

Số: **2960**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **13** tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công cụ thể tại Kế hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BLD VP.UBND tỉnh;
- Các Phòng NC;
- Lưu: VT, KT. 03

D:\Tam nam 2020\Quyết định\08_Ban hành KH thực hiện Quyết định số 889 của TTCP.docx

4633

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Kèm theo Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Các ngành, các cấp cần xác định được vai trò, tầm quan trọng của sản xuất và tiêu dùng bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

- Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Giảm 05 - 08% mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất, cụ thể hóa chất, chế biến thủy hải sản;

+ 70% các khu, cụm công nghiệp, làng nghề được phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

+ Xây dựng, áp dụng 01 - 02 mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, phổ biến, nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, các mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

+ Tổ chức 01 - 02 cuộc tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về lối sống, tiêu dùng bền vững;

+ 85% các siêu thị, trung tâm thương mại phân phối, sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy; xây dựng, thúc đẩy phát triển chuỗi cung ứng bền vững; khuyến khích phân phối các sản phẩm thân thiện môi trường, được dán nhãn sinh thái tại các siêu thị, trung tâm thương mại;

+ Khuyến khích lồng ghép nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong chương trình đào tạo, giảng dạy tại các cấp đào tạo.

- Đến năm 2030:

+ Giảm 07 - 10% mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu của các ngành sản xuất chính như hóa chất, chế biến thủy hải sản;

+ 100% các khu, cụm công nghiệp, làng nghề được phổ biến, nâng cao nhận thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

+ Phổ biến, nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch hơn, mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững;

+ Tổ chức 02 - 03 cuộc tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về lối sống, tiêu dùng bền vững;

+ 100% các siêu thị, trung tâm thương mại sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế cho sản phẩm bao bì nhựa sử dụng một lần, khó phân hủy.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, phát triển nhiên liệu, nguyên vật liệu có thể tái tạo, tái sinh

a) Triển khai, hướng dẫn kỹ thuật và áp dụng các phương pháp, công nghệ kỹ thuật tốt nhất hiện có, thực hành môi trường tốt nhất nhằm khai thác hợp lý và giảm tổn thất tài nguyên trong các ngành công nghiệp.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng các mô hình thu hồi, tái sử dụng và tái chế chất thải, các mô hình quản lý tổng hợp khai thác, chế biến và chế tạo, sản xuất và sử dụng bền vững tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và năng lượng tái tạo cho các ngành công nghiệp.

c) Khuyến khích phát triển các dự án điện năng lượng mặt trời tại các doanh nghiệp và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh, để phục vụ sản xuất và sinh hoạt, nhằm giảm sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

2. Thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường, áp dụng mô hình, liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm

a) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững; phát triển mạng lưới liên kết bền vững theo chuỗi vòng đời sản phẩm; phổ biến và nhân rộng các mô hình đổi mới sinh thái trong các ngành chế biến thực phẩm, nước giải khát, bao bì và các ngành kinh tế khác; hướng dẫn kỹ thuật về quản lý tốt vòng đời sản phẩm, các sản phẩm hóa chất theo các cam kết và thông lệ quốc tế.

b) Phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng sinh công nghiệp; mô hình khu, cụm công nghiệp, làng nghề sinh thái và bền vững; phát triển mạng lưới liên kết bền vững giữa sản xuất tiểu thủ công nghiệp và sản xuất công nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu, quy định kỹ thuật về môi trường và phát triển bền vững của các bên trong chuỗi cung ứng.

c) Xây dựng các tài liệu hướng dẫn, đào tạo, hỗ trợ triển khai và nhân rộng các mô hình phát triển làng nghề bền vững, mô hình về chuỗi cung ứng sản phẩm bền vững, chuỗi cung ứng gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm; mô hình nông nghiệp hữu cơ; mô hình nuôi trồng bền vững.

d) Hỗ trợ xây dựng và áp dụng phổ biến, nhân rộng các thực hành tốt về sản xuất sạch hơn, các mô hình về quản lý và sử dụng nước hiệu quả; các mô hình về giảm thiểu, thu hồi, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải; các mô hình kinh tế tuần hoàn tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất và tiêu dùng.

3. Phát triển hệ thống phân phối bền vững, xuất nhập khẩu bền vững

a) Xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ hậu cần phân phối xanh, bền vững bao gồm các trung tâm hậu cần xanh, hệ thống kho vận, giao nhận hàng hóa xanh, thúc đẩy sử dụng nhiên liệu sinh học sạch, thân thiện môi trường trong các hoạt động phân phối, vận chuyển hàng hóa.

b) Khuyến khích sản xuất và sử dụng phương tiện vận tải thân thiện môi trường, ít phát thải khí nhà kính; triển khai các giải pháp thúc đẩy phát triển và nâng cao thị phần vận tải hành khách công cộng tại các đô thị, thị phần vận tải hàng hóa bằng đường thủy, vận tải ven biển và đường sắt; triển khai ứng dụng công nghệ xử lý khí thải, công nghệ mới, năng lượng thay thế nhiên liệu truyền thống, chuyển đổi sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường trong lĩnh vực giao thông vận tải, ưu tiên trong vận tải công cộng.

c) Hỗ trợ hình hành các trung tâm dịch vụ sửa chữa, bảo hành, phục hồi, thu hồi các sản phẩm sau sử dụng; thí điểm áp dụng mô hình cho thuê sản phẩm, thiết bị theo mô hình kinh tế chia sẻ với các hoạt động từ sản xuất, phân phối, cho thuê, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế, phục hồi và thu hồi xử lý do nhà sản xuất cung cấp.

d) Xây dựng, tổ chức mạng lưới liên kết bền vững giữa các cơ sở phân phối, bán lẻ với các nhà cung ứng về nguyên liệu, hàng hóa và sản phẩm thân thiện môi trường; thiết kế hình thành khu vực, gian hàng xanh trưng bày các sản phẩm thân thiện môi trường; thúc đẩy phân phối và tiêu dùng bền vững đối với sản phẩm thân thiện môi trường được sản xuất trong nước; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, khó phân hủy tại các chợ dân sinh, siêu thị và trung tâm thương mại, các trung tâm phân phối sản phẩm của doanh nghiệp.

đ) Hướng dẫn thực hiện chứng nhận doanh nghiệp, cơ sở phân phối bền vững; chứng nhận và dán nhãn công trình thương mại xanh; cung cấp hỗ trợ thông tin nhận diện đối với các hệ thống, kênh phân phối xanh và bền vững.

e) Hướng dẫn, triển khai áp dụng các mô hình sử dụng các nguyên vật liệu, sản phẩm thân thiện môi trường; giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng chất thải; áp dụng các giải pháp thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả tại các trung tâm thương mại và siêu thị, các cơ sở và trung tâm phân phối sản phẩm của doanh nghiệp.

f) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các hoạt động xuất nhập khẩu bền vững, hướng dẫn doanh nghiệp về các yêu cầu, quy định, cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, hỗ trợ cung cấp thông tin về thị trường, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường.

g) Xây dựng mạng lưới liên kết hợp tác sản xuất và tiêu dùng bền vững trong chuỗi.

4. Thúc đẩy dán nhãn và chứng nhận nhãn sinh thái

a) Triển khai chứng nhận và dán nhãn sinh thái gồm nhãn xanh, nhãn năng lượng, nhãn các bon, nhãn tái chế và các nhãn sinh thái khác cho doanh nghiệp.

b) Tuyên truyền, cung cấp thông tin, nâng cao năng lực về nhãn sinh thái cho các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng.

c) Thực hiện chứng nhận nhãn du lịch bền vững, nhãn xanh cho cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; nhãn xanh đối với các công trình xây dựng, các cơ sở và trung tâm thương mại.

5. Đẩy mạnh phát triển thị trường bền vững, cung cấp thông tin cho người tiêu dùng

a) Hướng dẫn áp dụng và phổ biến các thực hành tốt về tiếp cận và phát triển thị trường bền vững; hướng dẫn phổ biến về tiêu dùng bền vững đối với các sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường.

b) Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái trong các hội chợ đa ngành và chuyên ngành.

c) Hướng dẫn lập các báo cáo về phát triển bền vững phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định tại Việt Nam, cung cấp thông tin về sản xuất kinh doanh bền vững cho người tiêu dùng.

6. Đẩy mạnh mua sắm bền vững

a) Hướng dẫn phổ biến áp dụng về mua sắm bền vững đối với các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện môi trường phù hợp quy định trong nước và quốc tế.

b) Hướng dẫn, phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về mua sắm công xanh.

7. Nâng cao năng lực, tăng cường giáo dục và thực hành lối sống bền vững

a) Xây dựng và thực hành các mô hình về lối sống bền vững, hướng dẫn thực hành tốt về lối sống bền vững; tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện lối sống bền vững, hài hòa với thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

b) Triển khai các mô hình, các thực hành tốt về du lịch bền vững, lồng ghép quảng bá và giới thiệu các sản phẩm truyền thống, thân thiện môi trường.

c) Xây dựng chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo trực tuyến trong nước và quốc tế về sản xuất và tiêu dùng bền vững; lồng ghép các nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong các chương trình giảng dạy, đào tạo tại các cấp học.

d) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.

8. Đẩy mạnh truyền thông về sản xuất và tiêu dùng bền vững

Chỉ đạo các cơ quan truyền thông trong tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, các mô hình, thực hành tốt về sản xuất tiêu dùng bền vững tại địa phương.

9. Phát triển khoa học công nghệ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Triển khai thực hiện chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, kinh tế tuần hoàn giai đoạn 2021 - 2030; hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững.

b) Tổ chức kết nối, tham gia các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

c) Tăng cường công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư theo thẩm quyền. Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn, bao gồm chuyển giao công nghệ, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, môi giới và tư vấn chuyển giao công nghệ, các dịch vụ chuyển giao công nghệ khác theo quy định.

10. Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn đối với chất thải

a) Đẩy mạnh áp dụng, phổ biến và nhân rộng các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải, phế liệu.

b) Đẩy mạnh kết nối cung cầu, phát triển thị trường về sản phẩm và công nghệ môi trường, sản phẩm và công nghệ tái chế và công nghệ các bon thấp.

c) Từng bước xây dựng và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực tiêu dùng, khuyến khích chuyển đổi từ việc tiêu dùng và sở hữu hàng hóa sang tiêu dùng và sử dụng dịch vụ trong cuộc sống.

11. Thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng

- Phổ biến và nhân rộng các mô hình, thực hành tốt về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng cho các sản phẩm dệt may, thủ công mỹ nghệ, bao bì, gia dụng và các sản phẩm có tiềm năng.

- Tổ chức cuộc thi và trao giải thưởng về các sáng kiến tốt, giới thiệu các sản phẩm được thiết kế có tính sáng tạo và bền vững đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

12. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

- Kinh phí để thực hiện Chương trình được huy động từ các nguồn như vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ, tài trợ, các nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và những nguồn vốn hợp pháp khác.

- Huy động, quản lý nguồn lực kinh phí được huy động từ các nguồn vốn nói trên theo quy định hiện hành để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

- Hàng năm, đảm bảo bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này; hàng năm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí để thực hiện, đề xuất cơ chế, chính sách, huy động các nguồn lực xã hội để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch đề ra.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này (tại Mục III và Phụ lục đính kèm), xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai và tổ chức thực hiện; thường xuyên sơ kết, tổng kết các hoạt động; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương trước ngày 15/12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo Bộ Công Thương và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các ngành, các cấp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số **2960** /QĐ-UBND ngày **13** tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện (hoặc trình)	Sản phẩm
1	Tổ chức Hội thảo về điện năng lượng mặt trời.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Cuộc hội thảo
2	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về sản xuất và tiêu dùng bền vững cho các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Lớp tập huấn
3	Tổ chức kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm thân thiện môi trường, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm được dán nhãn sinh thái trong các hội chợ đa ngành và chuyên ngành.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, đơn vị có liên quan	2021-2030	Chuyến kết nối
4	Áp dụng các mô hình về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng đối với các sản phẩm có tiềm năng, có lợi thế xuất khẩu, cụ thể là sản phẩm bao bì, đồ uống, may mặc, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ gia dụng.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình
5	Xây dựng và nhân rộng các mô hình về giảm thiểu, thu hồi, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp,	2021-2030	Mô hình

			đơn vị có liên quan		
6	Hướng dẫn thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn sử dụng hiệu quả năng lượng và nguyên nhiên vật liệu sử dụng trong các lĩnh vực chế biến thực phẩm, đồ uống, dệt may, da giày, nhựa, giấy, điện tử.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình
7	Kết nối cung cầu, phát triển thị trường sản phẩm, công nghệ môi trường, sản phẩm công nghệ tái chế, các bon thấp.	Sở Công Thương	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, đơn vị có liên quan	2021-2030	Chuyên kết nối
8	Xây dựng tài liệu, tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, các mô hình, thực hành tốt về sản xuất tiêu dùng bền vững tại địa phương.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	Hàng năm	Cuộc tuyên truyền
9	Phổ biến và nhân rộng các thực hành tốt về thu gom, giảm thiểu và tái sử dụng chất thải.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình
10	Xây dựng, hướng dẫn, phổ biến các mô hình quản lý, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên thiên nhiên; các mô hình quản lý tổng hợp khai thác và sử dụng bền vững tại	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình

	các khu vực khoáng sản.				
11	Mô hình về du lịch bền vững, lồng ghép quảng bá và giới thiệu các sản phẩm truyền thống, thân thiện môi trường.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình
12	Xây dựng các mô hình về lối sống bền vững, hướng dẫn thực hành tốt về lối sống bền vững.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình
13	Xây dựng chương trình đào tạo ngắn hạn, đào tạo trực tuyến trong nước và quốc tế về sản xuất và tiêu dùng bền vững; lồng ghép các nội dung về sản xuất và tiêu dùng bền vững trong các chương trình giảng dạy, đào tạo tại các cấp học.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Các Sở, ban ngành, đơn vị có liên quan	2021-2030	Chương trình
14	Xây dựng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, mô hình nuôi trồng bền vững.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình
15	Phổ biến, nhân rộng mô hình làng nghề sinh thái và bền vững.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình
16	Phổ biến, nhân rộng mô hình khu công nghiệp sinh thái và bền vững.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã,	2021-2030	Mô hình

			thành phố, đơn vị có liên quan		
17	Tổ chức kết nối, tham gia các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ hiện đại trong lĩnh vực sản xuất và tiêu dùng bền vững.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Cuộc kết nối, hội thảo
18	Nhân rộng các thực hành tốt về mua sắm công xanh.	- Sở Tài chính (Nguồn kinh phí sự nghiệp). - Sở Kế hoạch và Đầu tư (Nguồn kinh phí đầu tư phát triển).	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình
19	Phổ biến, nhân rộng mô hình cụm công nghiệp sinh thái và bền vững.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị có liên quan	2021-2030	Mô hình